

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-PT
Ngày 21-8-2018
V/v tranh chấp ly hôn .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Văn Be.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thúy Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2018/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2018/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐ-PT ngày 23 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Thu H, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp B2, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Đình T, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp B2, xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1966; cư trú tại: Số 201/56/2, đường N, phường 26, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Song T, sinh năm 1959; cư trú tại: Số 201/56/2, đường N, phường 26, quận B,

Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09 tháng 4 năm 2018); có mặt.

Người kháng cáo: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu H trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn vào ngày 25-7-2013. Ông, bà chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 7 năm 2017 cho đến nay. Bà H yêu cầu ly hôn với ông T vì xét thấy tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Huỳnh Luân V, sinh ngày 24-8-1997 và Lê Huỳnh Quốc T, sinh ngày 06-8-1999, hiện 02 con chung đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được do đó không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H không đồng ý với yêu cầu độc lập của bà L, vì bà H không có vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Huyện D số tiền nào. Việc bà L giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà là do ông T tự ý đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L giữ đến nay. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: HL01022 ngày 31 tháng 3 năm 2006 do ông T, bà H đứng tên người sử dụng được Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp đúng quy định của pháp luật, mặc dù nguồn gốc đất là do bà N chuyển nhượng vào năm 1997 nhưng vợ chồng bà H kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi bà N chết.

Bị đơn ông Lê Đình T trình bày: Thống nhất với bà H về quan hệ hôn nhân thời gian chung sống, về con chung. Ông T đồng ý ly hôn với bà H.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống với nhau thì ông T và bà H tạo lập được tài sản là căn nhà trên phân đất diện tích 303 m², thuộc thửa số 164, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Nay ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Tuy nhiên, ông có yêu cầu phản tố là yêu cầu Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: HL01022 do Ủy ban nhân dân Huyện D cấp cho ông T, bà H đứng tên người sử dụng. Ông T cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là không đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L là ông Lê Song T trình bày: Vào năm 1997 bà Đỗ Thị N (mẹ của bà L) có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất trên thì bà N đã dựng nhà và cho ông T, bà H cùng sống chung tại căn nhà trên. Đến năm 2013, bà H, ông T mới đăng ký kết hôn. Vào năm 2003 bà H tự ý giao dịch và vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Huyện D, đồng thời bà H tự ý liệt kê tài sản là nhà đất trên để dễ dàng được Ngân hàng cho vay tiền. Toàn bộ số tiền vay bà H đã sử dụng vào mục đích riêng. Đến khoảng tháng 9-2006 vì bà H không có khả năng trả nợ gốc và lãi, có khả năng ngân hàng sẽ phát mãi nhà đất trên, do đó bà L đã đứng ra trả nợ ngân hàng thay cho bà H với số tiền là 6.700.000 đồng tương đương khoảng 40% giá trị tài sản nhà đất trên (nhà, đất được ngân hàng định giá trị là 16.000.000 đồng tại sổ vay vốn), bà L ước tính giá trị nhà, đất tại thời điểm khởi kiện là 200.000.000 đồng. Sau khi bà L trả số tiền 6.700.000 đồng thì bà L có giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho đến nay.

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà H của Ủy ban nhân dân Huyện D là trái quy định của pháp luật, vì ông T, bà H không phải là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên và không phải là người trả tiền mua đất. Nguồn gốc đất được ghi sang nhượng năm 1987 là không đúng vì việc sang nhượng xảy ra vào năm 1997. Ông T không biết đọc, không biết viết ngoại trừ việc ký tên và ghi họ tên của mình. Nhưng hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều được viết và ký tên ông T.

Vì vậy, bà L yêu cầu Tòa án tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: HL01022, do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006 cho ông T, bà H đứng tên người sử dụng. Đồng thời bà L yêu cầu bà H có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ là 80.000.000 đồng (tương đương với số tiền mà bà L đã trả nợ ngân hàng thay bà H tính theo thời giá hiện tại).

Tại Bản án sơ thẩm số 24/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 34, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Thu H đối với ông Lê Đình T.

Bà Huỳnh Thị Thu H và ông Lê Đình T không còn quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.

Về con chung: 02 con chung tên Lê Huỳnh Luân V, sinh ngày 24-8-1997 và Lê Huỳnh Quốc T, sinh ngày 06-8-1999. Hiện nay đã đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Lê Đình T đối với bà Huỳnh Thị Thu H về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: HL01022 do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006 cho ông T, bà H đứng tên quyền sử dụng.

3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị L đối với bà Huỳnh Thị Thu H về việc yêu cầu bà H có trách nhiệm trả số tiền 80.000.000 đồng và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: HL01022, do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006 cho ông T, bà H đứng tên quyền sử dụng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05-6-2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với nội dung: Bà không đồng ý với một phần bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà, bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà L nhưng chỉ buộc nộp án phí sơ thẩm yêu cầu trả nợ, còn lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không buộc nộp, căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm buộc bà L nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với yêu cầu buộc bà H có trách nhiệm trả số tiền 80.000.000 đồng:

Bà L cho rằng bà H có vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Huyện D, nhưng đến hạn không trả, tháng 9 năm 2006 bà L đứng ra trả nợ ngân hàng thay cho bà H với số tiền tổng cộng là 6.700.000 đồng tương đương với 40% giá trị tài sản nhà đất theo bà L ước tính giá tại thời điểm khởi kiện là $200.000.000 \text{ đồng} \times 40\% = 80.000.000 \text{ đồng}$, để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà H đã thế chấp. Tuy nhiên, bà L không

xuất trình được chứng cứ chứng minh là có trả nợ thay cho bà H, bà H cũng không thừa nhận có nợ bất kỳ khoản tiền nào của bà L.

Căn cứ sổ vay vốn phôi-tô mà bà L cung cấp thể hiện: Vào ngày 28-4-2003 bà H có vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Huyện D số tiền là 4.000.000 đồng người trả tiền nợ vay là bà H, không phải bà L trả; số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 4.156.400 đồng không phải 6.700.000 đồng như bà L trình bày.

Mặt khác, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được kê khai và cấp vào năm 2006, nhưng việc vay vốn và trả tiền xảy ra vào năm 2003 và năm 2004, do đó bà L cho rằng trả nợ ngân hàng thay cho bà H để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là mâu thuẫn.

[2] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: HL01022 đối với phần đất có diện tích 303 m², thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại xã P, Huyện D, tỉnh Tây Ninh do Ủy ban nhân dân Huyện D cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006 cho ông T, bà H đứng tên người sử dụng:

Nguồn gốc đất bà H và bà L đều thừa nhận là do bà Đỗ Thị N (chết năm 2008) nhận chuyển nhượng vào năm 1997. Năm 2006, bà H, ông T kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lúc này bà N đang sống chung với vợ chồng ông T, bà H không có ý kiến gì bà L biết việc cấp giấy trên cũng không có ý kiến. Ủy ban nhân dân Huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà H đứng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

[3] Đối với yêu cầu đưa Ủy ban nhân dân Huyện D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Căn cứ quy định tại Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức, thì Tòa án xem xét hủy quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức khi quyết định cá biệt đó trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ việc dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết. Trong vụ án này, bà L có yêu cầu độc lập hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: HL01022, do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006 cho ông T, bà H đứng tên quyền sử dụng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh quyết định trên trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bà L. Hơn nữa khi bà H, ông T kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước thời điểm bà N chết, bà N và các con không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với việc cấp giấy này của Ủy ban nhân dân Huyện D. Việc Ủy ban nhân dân Huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà H đứng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật do đó Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Ủy ban nhân dân Huyện D tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là có cơ sở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị L là có căn cứ.

[4] Đối với án phí yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ vào Thông tư 01/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp thì yêu cầu hủy quyết định cá biệt đương sự không phải nộp tạm ứng án phí và không phải chịu án phí. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không buộc bà L phải chịu án phí là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và nhận định trên, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 34, Điều 147 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Thu H đối với ông Lê Đình T.

Bà Huỳnh Thị Thu H và ông Lê Đình T không còn quyền, nghĩa vụ của vợ chồng.

2. Về con chung: 02 con chung tên Lê Huỳnh Luân V, sinh ngày 24-8-1997 và Lê Huỳnh Quốc T, sinh ngày 06-8-1999. Hiện nay đã đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông T không yêu cầu giải quyết.

4. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông T đối với bà H về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: HL01022, do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006 cho Lê Đình T, Huỳnh Thị Thu H đứng tên quyền sử dụng.

5. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà Lê Thị L đối với bà Huỳnh Thị Thu H về việc yêu cầu bà H có trách nhiệm trả số tiền 80.000.000 đồng

và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: HL01022, do Ủy ban nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006 cho Lê Đình T, Huỳnh Thị Thu H đứng tên quyền sử dụng.

6. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015492 ngày 14-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm

Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.000.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai thu số 0015664 ngày 14-9-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh; bà L còn phải nộp 2.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng; nhưng trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010623 ngày 05-6-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh; bà L đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Huyện D;
- THADS Huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lâm Văn Be